HIỆP ĐỊNH
TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ
GIỮA NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ NƯỚC CỘNG HÒA CU BA

Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nước Cộng hòa Cu Ba (sau đây gọi là các Bên),

Mong muốn tăng cường hợp tác nhằm đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm,

Trên cơ sở tôn trọng các quyền con người và quy định pháp luật,

Đã thoả thuận như sau:

Điều 1
Phạm vi tương trợ

1. Phù hợp với các quy định của Hiệp định này và pháp luật hiện hành của mỗi Bên, các Bên dành cho nhau sự tương trợ ở mức tối đa trong các vấn đề về hình sự.

2. Phạm vi tương trợ có thể bao gồm:

a) Tống đạt giấy tờ;

b) Triệu tập người làm chứng, người giám định;

c) Thu thập, cung cấp chứng cứ;

d) Chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự;

e) Tổ chức cho người đang chấp hành hình phạt tù tại Bên được yêu cầu đến Bên yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ;

f) Áp dụng các biện pháp nhằm truy tìm, kê biên, phong tỏa, thu giữ hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội;

g) Trao đổi thông tin;

h) Bất cứ hình thức tương trợ nào khác phù hợp với mục đích của Hiệp định này và không trái với pháp luật của Bên được yêu cầu.

3. Hiệp định này không áp dụng đối với:

a) Dẫn độ, bắt hoặc giam giữ bất cứ người nào để dẫn độ;

b) Thi hành bản án hình sự của Bên yêu cầu ở Bên được yêu cầu, trừ những trường hợp pháp luật của Bên được yêu cầu và Hiệp định này cho phép;

c) Chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù để tiếp tục thi hành án.

Điều 2

Cơ quan trung ương

1. Mỗi Bên chỉ định Cơ quan trung ương vì mục đích thi hành Hiệp định này.

2. Các cơ quan dưới đây sẽ được coi là Cơ quan trung ương kể từ khi Hiệp định bắt đầu có hiệu lực:

a) Cơ quan Trung ương của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

b) Cơ quan Trung ương của nước Cộng hòa Cu Ba là Bộ Tư pháp.

3. Mỗi Bên sẽ thông báo cho Bên còn lại khi có bất kỳ sự thay đổi nào về Cơ quan trung ương của Bên mình quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Các Cơ quan trung ương liên hệ trực tiếp với nhau để thực hiện Hiệp định này. Trong trường hợp cần thiết, các Bên có thể liên hệ thông qua kênh ngoại giao.

Điều 3

Nội dung và hình thức văn bản yêu cầu tương trợ

1. Văn bản yêu cầu tương trợ phải nêu rõ:

a) Tên, địa chỉ cơ quan lập yêu cầu;

b) Tên, địa chỉ hoặc văn phòng chính của cơ quan được yêu cầu;

c) Họ tên, địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc của cá nhân, tên đầy đủ, địa chỉ hoặc văn phòng chính của cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến yêu cầu;

d) Nội dung tương trợ, mục đích của yêu cầu, tóm tắt nội dung vụ án và các tình tiết liên quan, trích dẫn điều luật và hình phạt có thể được áp dụng, tiến độ điều tra, truy tố, xét xử và thời hạn mong muốn thực hiện yêu cầu.

2. Văn bản yêu cầu tương trợ cũng có thể bao gồm:

a) Đặc điểm nhận dạng, quốc tịch và nơi ở của đối tượng trong vụ án hình sự hoặc những người có thông tin liên quan đến vụ án đó;

b) Vấn đề cần thẩm vấn, câu hỏi đặt ra và đối với yêu cầu thu thập chứng cứ thì bổ sung mô tả tài liệu, hồ sơ hoặc vật chứng được cung cấp và nếu cần thiết thì mô tả đặc điểm, hình dạng người được yêu cầu cung cấp tài liệu, hồ sơ, vật chứng;

c) Nội dung công việc, câu hỏi, yêu cầu đối với người làm chứng hoặc người giám định được triệu tập;

d) Mô tả về tài sản và nơi có tài sản cần tìm, căn cứ để xác định tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội đang tồn tại ở Bên được yêu cầu và có thể thuộc quyền tài phán của Bên yêu cầu và việc thực hiện bản án, quyết định của tòa án đối với yêu cầu về khám xét, thu giữ, truy tìm hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội;

e) Biện pháp có thể áp dụng đối với yêu cầu tương trợ có thể dẫn đến việc phát hiện hoặc thu giữ tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội;

f) Yêu cầu hoặc thủ tục mà Bên yêu cầu mong muốn để bảo đảm thực hiện hiệu quả đối với yêu cầu tương trợ, bao gồm cách thức hoặc hình thức cung cấp thông tin, chứng cứ, tài liệu, đồ vật;

g) Mức độ bảo mật và lý do kèm theo;

h) Mục đích, dự định thời gian và lịch trình chuyến đi trong trường hợp người có thẩm quyền của Bên yêu cầu cần phải đến lãnh thổ của Bên được yêu cầu vì mục đích thực hiện yêu cầu tương trợ;

i) Bản án hoặc quyết định hình sự của tòa án và tài liệu, chứng cứ hoặc thông tin khác cần thiết cho việc thực hiện yêu cầu tương trợ.

3. Nếu Bên được yêu cầu xét thấy thông tin trong văn bản yêu cầu không đủ để thực hiện yêu cầu tương trợ theo Hiệp định này, thì đề nghị bổ sung thông tin bằng văn bản và ấn định thời hạn cụ thể nhận được kết quả bổ sung.

4. Yêu cầu tương trợ phải được lập thành văn bản. Tuy nhiên, trong trường hợp khẩn cấp và Bên được yêu cầu chấp nhận, yêu cầu tương trợ có thể được lập bằng hình thức khác nhưng sau đó Bên yêu cầu phải gửi ngay yêu cầu bằng văn bản cho Bên được yêu cầu.

5. Yêu cầu tương trợ và tài liệu kèm theo được lập bằng ngôn ngữ của Bên yêu cầu kèm theo bản dịch sang ngôn ngữ của Bên được yêu cầu hoặc ngôn ngữ tiếng Anh.

Điều 4

Từ chối hoặc hoãn yêu cầu tương trợ

1. Việc tương trợ theo Hiệp định này sẽ bị từ chối nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Yêu cầu không phù hợp với điều ước quốc tế mà Bên được yêu cầu là thành viên, hoặc không phù hợp với pháp luật của Bên được yêu cầu;

b) Yêu cầu có thể gây phương hại đến chủ quyền, an ninh quốc gia của Bên được yêu cầu;

c) Yêu cầu liên quan đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự một người về hành vi phạm tội mà người đó đã bị kết án, được tuyên không có tội hoặc được đại xá, đặc xá tại Bên được yêu cầu;

d) Yêu cầu liên quan đến hành vi phạm tội đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật Bên được yêu cầu;

e) Yêu cầu liên quan đến hành vi không cấu thành tội phạm theo quy định của pháp luật Bên được yêu cầu.

2. Tương trợ có thể bị Bên được yêu cầu hoãn thực hiện nếu việc thực hiện yêu cầu tương trợ cản trở quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đang được tiến hành trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu.

3. Trước khi từ chối hoặc hoãn thực hiện yêu cầu tương trợ theo quy định của Điều này, Bên được yêu cầu phải:

a) Thông báo ngay cho Bên yêu cầu về lý do từ chối hoặc hoãn; và

b) Trao đổi với Bên yêu cầu để xác nhận khả năng thực hiện tương trợ với các điều kiện mà Bên được yêu cầu cho là cần thiết.

4. Nếu Bên yêu cầu chấp nhận việc tương trợ với những điều kiện quy định tại khoản 3.b của Điều này thì phải tuân thủ các điều kiện đó.

Điều 5

Thực hiện yêu cầu tương trợ

1. Bên được yêu cầu sẽ thực hiện ngay các yêu cầu tương trợ phù hợp với pháp luật nước mình và theo trình tự, thủ tục do Bên yêu cầu đề nghị nếu không trái với quy định pháp luật nước mình.

2. Nếu có đề nghị, Bên được yêu cầu sẽ thông báo cho Bên yêu cầu về thời gian và địa điểm thực hiện yêu cầu tương trợ.

3. Bên được yêu cầu phải thông báo ngay cho Bên yêu cầu về các tình huống phát sinh có thể trì hoãn việc thực hiện yêu cầu tương trợ.

4. Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu sẽ thông báo ngay cho Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu về kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ.

Điều 6

Tống đạt giấy tờ

1. Trong phạm vi pháp luật nước mình cho phép, Bên được yêu cầu nhanh chóng thực hiện yêu cầu về tống đạt giấy tờ.

2. Trường hợp yêu cầu tống đạt giấy triệu tập người làm chứng hoặc người giám định, Bên yêu cầu phải gửi giấy triệu tập cho Bên được yêu cầu trước ít nhất chín mươi (90) ngày so với ngày dự định người đó có mặt tại Bên yêu cầu. Trong trường hợp khẩn cấp, Bên được yêu cầu có thể không áp dụng thời hạn này.

3. Bên được yêu cầu phải chuyển cho Bên yêu cầu văn bản xác nhận đã tống đạt giấy tờ. Nếu việc tống đạt không thực hiện được, Bên yêu cầu phải được thông báo lý do.

Điều 7

Cung cấp thông tin

1. Bên được yêu cầu sẽ cung cấp các bản sao tài liệu, hồ sơ hoặc thông tin liên quan đến tương trợ tư pháp về hình sự.

2. Bên được yêu cầu có thể cung cấp bản sao của bất kỳ tài liệu, hồ sơ hoặc thông tin nào với cùng cách thức và điều kiện như đối với trường hợp cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền nước mình.

3. Bên được yêu cầu có thể cung cấp bản sao của các tài liệu hoặc hồ sơ, trừ khi Bên yêu cầu đề nghị cung cấp bản gốc.

Điều 8

Trả lại tài liệu cho Bên được yêu cầu

Theo đề nghị của Bên được yêu cầu, Bên yêu cầu phải trả lại tài liệu đã được cung cấp theo Hiệp định này khi những tài liệu đó không còn cần cho các vấn đề hình sự được nêu trong yêu cầu tương trợ.

Điều 9

Khám xét và thu giữ

Trong phạm vi pháp luật của mình, Bên được yêu cầu thực hiện việc khám người hoặc khám xét địa điểm nhằm tìm kiếm và thu giữ giấy tờ, tài liệu hoặc đồ vật là chứng cứ trong vụ án hình sự tại Bên yêu cầu. Trong trường hợp này, quyền và lợi ích hợp pháp của bên thứ ba được tôn trọng và bảo vệ.

Điều 10

Thu thập chứng cứ và lấy lời khai

1. Trong phạm vi pháp luật của mình và nếu có yêu cầu, Bên được yêu cầu lấy lời khai hoặc bản tường trình của những người liên quan hoặc yêu cầu họ đưa ra đồ vật là chứng cứ để chuyển cho Bên yêu cầu.

2. Người được triệu tập để cung cấp chứng cứ tại Bên được yêu cầu theo quy định tại Điều này có thể từ chối cung cấp chứng cứ trong các trường hợp sau:

a) Pháp luật của Bên được yêu cầu cho phép hoặc bắt buộc người đó từ chối cung cấp chứng cứ trong các trường hợp tương tự khi thủ tục tố tụng hình sự được tiến hành trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu; hoặc

b) Pháp luật của Bên yêu cầu cho phép hoặc bắt buộc người đó từ chối cung cấp chứng cứ trong các trường hợp tương tự khi thủ tục tố tụng hình sự được tiến hành trên lãnh thổ của Bên yêu cầu.

3. Nếu người trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu cho rằng pháp luật của Bên yêu cầu có quy định về quyền hoặc nghĩa vụ phải từ chối cung cấp chứng cứ, thì Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu, nếu được yêu cầu, phải cung cấp một văn bản xác nhận cho Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu về quy định của quyền hoặc nghĩa vụ đó. Trong trường hợp không có căn cứ ngược lại, thì văn bản xác nhận đó sẽ là một căn cứ đầy đủ về những vấn đề được nêu trong đó.

4. Theo Điều này, việc thu thập chứng cứ bao gồm cả việc thu thập tài liệu, hồ sơ hoặc các đồ vật khác.

Điều 11

Chuyển giao tạm thời người đang chấp hành hình phạt tù để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ tại Bên yêu cầu

1. Người đang chấp hành hình phạt tù trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu, theo đề nghị của Bên yêu cầu, có thể được chuyển giao tạm thời cho Bên yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ trên lãnh thổ của Bên yêu cầu.

2. Bên được yêu cầu chỉ chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù cho Bên yêu cầu nếu:

a) Người đó đồng ý với việc chuyển giao để hỗ trợ điều tra hay cung cấp chứng cứ; và

b) Bên yêu cầu đồng ý tuân thủ các điều kiện cụ thể do Bên được yêu cầu đưa ra liên quan đến việc giam giữ và bảo đảm an toàn cho người được chuyển giao.

3. Khi Bên được yêu cầu thông báo cho Bên yêu cầu là không cần giam giữ người bị chuyển giao nữa, thì người đó sẽ được trả tự do và thuộc diện được đối xử theo quy định tại Điều 12 của Hiệp định này.

4. Người được chuyển giao theo quy định của Điều này sẽ được trao trả cho Bên được yêu cầu theo cách thức hai bên đã thoả thuận ngay sau khi hoàn thành công việc theo yêu cầu chuyển giao hoặc vào thời điểm sớm hơn nếu sự có mặt của người đó không còn cần thiết. Thời gian người đang chấp hành hình phạt tù bị chuyển giao, lưu lại ở Bên yêu cầu được tính vào thời gian chấp hành hình phạt tù của người đó.

Điều 12

Tổ chức đưa người khác hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ tại Bên yêu cầu

1. Theo đề nghị của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu có thể đưa một người không thuộc diện quy định tại Điều 11 của Hiệp định này đến lãnh thổ của Bên yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ tại lãnh thổ của Bên yêu cầu.

2. Bên được yêu cầu, nếu đồng ý với các biện pháp bảo đảm an toàn mà Bên yêu cầu cam kết áp dụng bằng văn bản, sẽ đề nghị người đó hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ trên lãnh thổ của Bên yêu cầu. Người đó sẽ được thông báo về điều kiện ăn ở, đi lại tại Bên yêu cầu, số tiền trợ cấp hoặc chi phí được hưởng. Bên được yêu cầu thông báo ngay về ý kiến của người đó cho Bên yêu cầu và nếu người đó chấp thuận thì tiến hành các bước cần thiết để thực hiện yêu cầu tương trợ.

Điều 13

Bảo đảm an toàn

1. Người có mặt trên lãnh thổ Bên yêu cầu theo yêu cầu tương trợ tại các Điều 11 và 12 của Hiệp định này sẽ:

a) Không bị giam giữ, truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị áp dụng hình phạt trên lãnh thổ của Bên yêu cầu, cũng không phải tham gia bất kỳ vụ kiện dân sự nào nếu vụ kiện dân sự đó không thể tiến hành khi người đó không ở trên lãnh

thổ của Bên yêu cầu, đối với hành vi được cho là xảy ra trước khi người này rời lãnh thổ của Bên được yêu cầu;

b) Không phải cung cấp chứng cứ theo bất kỳ thủ tục tố tụng hình sự nào hoặc hỗ trợ bất kỳ việc điều tra hình sự nào ngoài phạm vi vấn đề hình sự đã nêu trong yêu cầu tương trợ, nếu người đó không đồng ý.

2. Khoản 1 Điều này không áp dụng nếu người đó đã được tự do rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu, nhưng đã không rời đi trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ khi được thông báo chính thức là sự có mặt của người đó là không còn cần thiết nữa hoặc đã rời đi nhưng tự nguyện quay trở lại.

3. Người không đồng ý hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ theo các Điều 11 hoặc 12 của Hiệp định này không phải chịu bất kỳ hình phạt hay biện pháp cưỡng chế nào của Bên yêu cầu hay Bên được yêu cầu.

4. Người đồng ý hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ theo các Điều 11 hoặc 12 của Hiệp định này sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự vì lời khai của họ, trừ việc họ khai báo gian dối.

Điều 14

Tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội

1. Bên được yêu cầu, theo yêu cầu, sẽ xác định xem có tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội có trong phạm vi lãnh thổ của mình hay không và thông báo cho Bên yêu cầu kết quả điều tra của mình.

2. Trong trường hợp tìm thấy tài sản nghi là do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội, Bên được yêu cầu sẽ áp dụng các biện pháp mà pháp luật nước mình cho phép để quản lý hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội đó. Trong phạm vi pháp luật nước mình cho phép, Bên được yêu cầu có thể trả lại tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội cho Bên yêu cầu. Việc trả lại chỉ được thực hiện khi đã có quyết định cuối cùng đối với tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội của tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu.

3. Khi áp dụng Điều này, các quyền chính đáng của bên thứ ba ngay tình có liên quan sẽ được tôn trọng và bảo vệ theo pháp luật của Bên được yêu cầu.

4. Vì mục đích của Hiệp định này, "Tài sản do phạm tội mà có" là bất kỳ tài sản có nguồn gốc hoặc có được một cách trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc thực hiện hành vi phạm tội; và "Công cụ, phương tiện phạm tội" là những công cụ, phương tiện đã, đang hoặc sẽ sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Điều 15
Tống đạt giấy tờ và thu thập chứng cứ thông qua viên chức ngoại giao, lãnh sự

Các Bên có thể tống đạt giấy tờ và thu thập chứng cứ của công dân nước mình đang có mặt trên lãnh thổ của Bên kia thông qua các cơ quan ngoại giao hoặc lãnh sự của mình đặt tại Bên kia nếu không vi phạm pháp luật của Bên kia và không có biện pháp cưỡng chế nào được áp dụng.

Điều 16
Bảo mật và giới hạn sử dụng

1. Bên được yêu cầu có thể đề nghị bảo mật thông tin hay chứng cứ được cung cấp hoặc nguồn của những thông tin hay chứng cứ đó. Việc tiết lộ hoặc sử dụng phải phù hợp với các điều kiện được đặt ra.

2. Bên yêu cầu có thể đề nghị giữ bí mật nội dung của yêu cầu tương trợ, các tài liệu và các công việc kèm theo yêu cầu tương trợ. Nếu yêu cầu tương trợ chỉ có thể được thực hiện khi vi phạm các điều kiện về bảo mật, Bên được yêu cầu sẽ thông báo Bên yêu cầu trước khi thực hiện yêu cầu tương trợ. Bên yêu cầu sẽ quyết định việc yêu cầu có thể được thực hiện toàn bộ hoặc từng phần.

3. Bên yêu cầu phải bảo đảm rằng thông tin hoặc chứng cứ thu thập được sẽ được bảo vệ, không để mất mát, bị tiếp cận, sử dụng, sửa đổi, tiết lộ trái phép hoặc bị lạm dụng.

4. Bên yêu cầu không được sử dụng hoặc tiết lộ thông tin hoặc chứng cứ thu thập được theo Hiệp định này vào những mục đích khác ngoài những mục đích đã nêu rõ trong yêu cầu tương trợ mà không được sự đồng ý trước của Bên được yêu cầu.

Điều 17

Chứng nhận và chứng thực

1. Văn bản yêu cầu tương trợ, các tài liệu kèm theo và tài liệu hoặc đồ vật là kết quả thực hiện một yêu cầu tương trợ không đòi hỏi bất kỳ hình thức chứng nhận hay chứng thực nào trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trong trường hợp cụ thể khi Bên được yêu cầu hoặc Bên yêu cầu đòi hỏi các tài liệu hoặc đồ vật phải được chứng thực, thì tài liệu hoặc đồ vật đó phải được chứng thực đầy đủ theo cách thức quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Tài liệu hoặc đồ vật được xác định là đã chứng thực theo Hiệp định này nếu tài liệu hoặc đồ vật đó được ký và đóng dấu chính thức bởi người và cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật của Bên gửi.

Điều 18

Đại diện và chi phí

1. Trừ trường hợp Hiệp định này có quy định khác, Bên được yêu cầu sẽ đại diện cho quyền lợi của Bên yêu cầu trong suốt quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ.

2. Bên được yêu cầu phải chịu chi phí thực hiện yêu cầu tương trợ, trừ các chi phí dưới đây do Bên yêu cầu chi trả:

a) Các chi phí gắn với việc đưa người đến hoặc đi từ lãnh thổ của Bên được yêu cầu và sinh hoạt phí, lệ phí hoặc chi phí người đó được hưởng trong thời gian có mặt trên lãnh thổ của Bên yêu cầu theo yêu cầu tương trợ quy định tại các Điều 11 và 12 của Hiệp định này;

b) Các chi phí gắn với việc chuyên chở các nhân viên dẫn giải hoặc hộ tống;

c) Chi phí trưng cầu giám định;

d) Chi phí liên quan tới việc phiên dịch, biên dịch và sao chép tài liệu và thu thập chứng cứ bằng hình ảnh, qua cầu truyền hình hoặc các phương tiện kỹ thuật khác từ Bên được yêu cầu tới Bên yêu cầu;

e) Các chi phí bất thường phát sinh trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ khi Bên được yêu cầu đề nghị.

Điều 19

Mối quan hệ với các thỏa thuận quốc tế khác

Hiệp định này không ngăn cản một Bên thực hiện tương trợ cho Bên kia theo một thỏa thuận hay điều ước quốc tế khác mà các Bên là thành viên.

Điều 20

Tham vấn

Các Bên sẽ tham vấn lẫn nhau tại thời điểm do hai Bên thỏa thuận nhằm nâng cao hiệu quả thi hành Hiệp định này. Các Bên cũng có thể thỏa thuận về các biện pháp thực tế nếu thấy cần thiết để tạo điều kiện cho việc thi hành Hiệp định này.

Điều 21

Giải quyết bất đồng

Bất kì bất đồng nào trong giải thích hay áp dụng Hiệp định này sẽ được giải quyết bằng việc tham vấn giữa các Bên thông qua kênh ngoại giao.

Điều 22

Hiệu lực, sửa đổi và chấm dứt Hiệp định

1. Hiệp định này:

a) Phải được phê chuẩn và có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi (30) sau ngày nhận được thông báo sau cùng về việc hoàn thành thủ tục pháp luật trong nước về phê chuẩn Hiệp định để Hiệp định có hiệu lực;

b) Được áp dụng đối với yêu cầu được lập sau khi Hiệp định có hiệu lực, kể cả yêu cầu có liên quan đến hành vi xảy ra trước khi Hiệp định có hiệu lực;

c) Có thể được sửa đổi khi cả hai Bên đồng ý. Trong trường hợp sửa đổi, bổ sung, văn bản sửa đổi, bổ sung là một phần không thể tách rời của Hiệp định này.

2. Kể từ khi Hiệp định này có hiệu lực, các Điều 74-78 của Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự năm 1984 sẽ chấm dứt hiệu lực; các Điều 1-17 của Hiệp định đó sẽ không áp dụng đối với các hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự giữa các Bên.

3. Mỗi Bên có thể chấm dứt Hiệp định này bằng việc thông báo cho Bên kia. Hiệp định sẽ chấm dứt hiệu lực sau sáu (06) tháng kể từ ngày Bên kia nhận được thông báo về việc chấm dứt Hiệp định.

4. Trong trường hợp chấm dứt hiệu lực, Hiệp định này vẫn áp dụng đối với các yêu cầu được đưa ra trước ngày chấm dứt hiệu lực.

ĐỂ LÀM BẰNG, những người ký tên dưới đây được Nhà nước của mình uỷ quyền hợp thức, đã ký Hiệp định này.

Làm tại La Habana ngày 29 tháng 03 năm 2018 thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Anh, tất cả các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau trong việc giải thích Hiệp định này thì sẽ căn cứ vào bản tiếng Anh.

THAY MẶT **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI** **CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**	**THAY MẶT** **NƯỚC CỘNG HÒA CU BA**
LÊ MINH TRÍ VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO	MARIA ESTHER REUS GONZÁLEZ BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP